



**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2401**/CT-CS
V/v chính sách thuế
giá trị gia tăng (GTGT)

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Thuế tỉnh Khánh Hòa

Cục Thuế nhận được công văn số 548/KHH-QLDN1 ngày 29/01/2026 của Thuế tỉnh Khánh Hòa về thuế GTGT. Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

Tại Điều 3 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về đối tượng chịu thuế.

Tại Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về thuế suất.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về điều kiện áp dụng thuế suất 0%.

Tại Điều 4 Thông tư số 69/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế GTGT và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT về hồ sơ, thủ tục áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT.

Ngày 19/01/2026, Bộ Tài chính đã có công văn số 683/BTC-CST về chính sách thuế GTGT đối với giao dịch chuyển nhượng tín chỉ các-bon VERs. Tín chỉ các-bon VERs có tính chất tương tự chứng chỉ năng lượng tái tạo quốc tế I-REC (*công văn kèm theo*). Đề nghị Thuế tỉnh Khánh Hòa căn cứ quy định pháp luật, nghiên cứu tham khảo công văn số 683/BTC-CST và trên cơ sở hồ sơ thực tế để hướng dẫn người nộp thuế thực hiện.

Cục Thuế trả lời để Thuế tỉnh Khánh Hòa biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó CT Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- Cục CST, Vụ PC – BTC;
- Ban PC – CT;
- Website CT;
- Lưu: VT, CS.

6

**TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN BAN CHÍNH SÁCH, THUẾ QUỐC TẾ**



Nguyễn Thị Thanh Hằng



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 683 /BTC-CST
V/v chính sách thuế giá trị gia
tăng đối với giao dịch chuyển
nhượng tín chỉ các-bon VERs

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Công ty cổ phần năng lượng tái tạo BIM.

Bộ Tài chính nhận được công văn số 44/2025/BNT ngày 17/9/2025 của Công ty cổ phần năng lượng tái tạo BIM (Công ty) về chính sách thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với giao dịch chuyển nhượng tín chỉ các-bon VERs. Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Chính sách thuế GTGT giai đoạn trước ngày 01/7/2025:

- Tại Điều 3 Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12 quy định về đối tượng chịu thuế như sau:

“Điều 3. Đối tượng chịu thuế

Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này.”

- Tại khoản 1 Điều 8 Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12 (được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số 31/2013/QH13, Luật số 106/2016/QH13) quy định về thuế suất 0% như sau:

“1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp sau đây: ...”.

- Tại Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT quy định về thuế suất 0% như sau:

“Điều 9. Thuế suất 0%

1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

a) Đối với hàng hóa xuất khẩu:

- Có hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu; hợp đồng ủy thác xuất khẩu;
- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hóa xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;
- Có tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.

...b) Đối với dịch vụ xuất khẩu:

- Có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan;
- Có chứng từ thanh toán tiền dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật; "

2. Chính sách thuế GTGT giai đoạn từ ngày 01/7/2025:

- Tại Điều 3 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về đối tượng chịu thuế như sau:

"Điều 3. Đối tượng chịu thuế

Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này."

- Tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về mức thuế suất 0% như sau:

"1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây:

a) Hàng hóa xuất khẩu bao gồm: hàng hóa từ Việt Nam bán cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; hàng hóa từ nội địa Việt Nam bán cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu; hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế;

b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm: dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu; "

- Tại Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT quy định về điều kiện áp dụng thuế suất 0% như sau:

"Điều 18. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu áp dụng thuế suất 0% quy định tại Điều 17 Nghị định này (trừ một số trường hợp đặc thù quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định này) phải đáp ứng quy định sau:

1. Đối với hàng hóa xuất khẩu, phải có:

- a) Hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu (đối với trường hợp bán, gia công); hợp đồng ủy thác xuất khẩu (đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu).
- b) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa xuất khẩu.
- c) Tờ khai hải quan theo quy định.

2. Đối với dịch vụ xuất khẩu, trừ quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều này, phải có:

a) Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan.

b) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ xuất khẩu.”

Căn cứ các quy định nêu trên:

- Trường hợp hoạt động chuyển nhượng tín chỉ các-bon VERs là dịch vụ tiêu dùng ở Việt Nam thì thuộc đối tượng áp dụng thuế GTGT với mức thuế suất 10%.

- Trường hợp hoạt động chuyển nhượng tín chỉ các-bon VERs là dịch vụ xuất khẩu thì được áp dụng thuế suất 0% nếu đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất 0% theo quy định điểm b khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP (tùy theo từng giai đoạn).

Bộ Tài chính trả lời Công ty đề biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Cục Thuế; Vụ PC; Cục HQ; Cục TK;
- Lưu: V.L. CST (GTGT) (04b) 3

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT
CHÍNH SÁCH THUẾ, PHÍ VÀ LỆ PHÍ
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lưu Đức Huy